



18/11/21

**DAILY** MORNING

Lạm phát ở Anh cao  
nhất 10 năm



|                   | 18/11    | % Sáng<br>18/11 | 17/11    | % Ngày<br>17/11 | % Tuần | % Tháng |
|-------------------|----------|-----------------|----------|-----------------|--------|---------|
| VN INDEX          |          |                 | 1,475.85 | 0.64%           | 0.74%  | 5.76%   |
| S&P 500           |          |                 | 4,688.67 | -0.26%          | 0.90%  | 4.51%   |
| S&P500<br>Futures | 4,690.25 | 0.09%           | 4,686.25 | -0.21%          | 1.02%  | 3.97%   |
| Shanghai          |          |                 | 3,537.37 | 0.44%           | 1.29%  | -0.86%  |
| Euro Stoxx        |          |                 | 4,400.81 | -0.02%          | 1.20%  | 6.01%   |



Nguồn: Bloomberg, BSC

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | PTKT                |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| <ul style="list-style-type: none"> <li>Lạm phát ở Anh cao nhất 10 năm, với CPI trong tháng 10 tăng 4,2% so với cùng kỳ năm trước, vượt dự báo tăng 3,9%. Ngân hàng hội đầu tháng giữ nguyên lãi suất, đang theo dõi hàng loạt số liệu quan trọng trong bối cảnh lạm phát vẫn cao, tăng trưởng chững lại và điều kiện lao động thắt chặt.</li> <li>Đại diện Nhật Bản và Mỹ đã có cuộc gặp để thảo luận về mức thuế bổ sung mà Washington áp đặt đối với các mặt hàng thép và nhôm nhập khẩu từ Nhật Bản. •</li> </ul> | S&P 500             |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Xu hướng Tăng       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Kháng cự 4500       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Hỗ trợ 4000         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Điểm PTKT TÍCH CỰC  |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | SHComp              |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Xu hướng Tích lũy   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Kháng cự 3700       |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Hỗ trợ 3300         |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Điểm PTKT TRUNG LẬP |



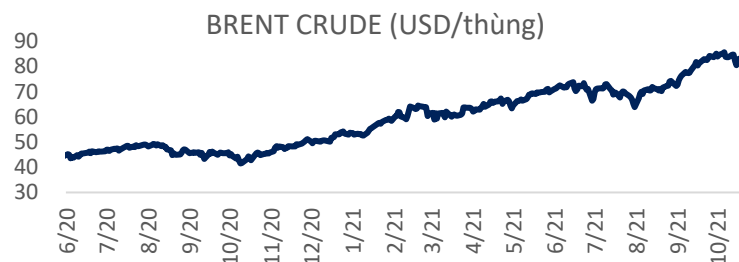
Nguồn: Bloomberg, BSC



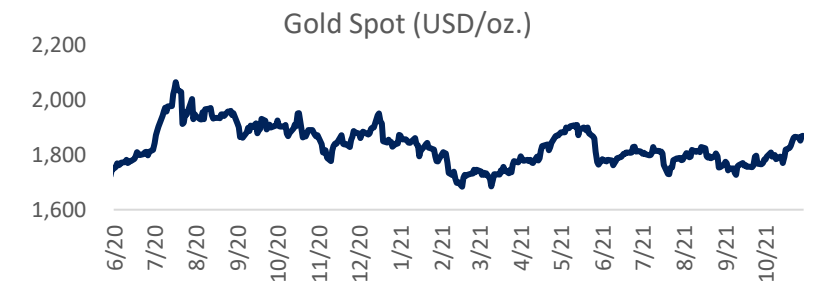
| Mặt hàng     | Đơn vị   | 18/11    | % Sáng 18/11 | 17/11   | % 17/11 | % Tuần | % Tháng | Tích cực           | Tiêu cực           |
|--------------|----------|----------|--------------|---------|---------|--------|---------|--------------------|--------------------|
| WTI CRUDE    | USD/bbl. | 77.96    | -0.51%       | 78.36   | -2.97%  | -4.45% | -5.43%  | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| BRENT CRUDE  | USD/bbl. | 80.28    | -2.61%       | 82.43   | 0.46%   | -2.86% | -4.04%  | PVD, PVT           | GAS, BSR           |
| GASOLINE     | USD/gal. | 228.35   | 0.14%        | 228.03  | -2.95%  | -1.48% | -5.55%  | PLX, OIL           | HVN, VJC           |
| Gold Spot    | USD/oz.  | 1,868.32 | 0.04%        | 1867.48 | 0.91%   | 0.33%  | 5.60%   | PNJ                | PNJ                |
| Silver Spot  | USD/oz.  | 25.10    | 0.04%        | 25.09   | 1.01%   | -0.64% | 6.04%   | PNJ                | PNJ                |
| SOYBEAN      | USD/bu.  | 1,277.00 | 2.06%        | 1251.25 | 0.00%   | 4.95%  | 3.91%   | HKB                | DBC, QNS           |
| WHEAT        | USD/bu.  | 833.00   | 1.59%        | 820.00  | 0.00%   | 2.21%  | 11.25%  |                    | AFX                |
| MILK         | USD/cwt. |          |              | 17.23   | 0.47%   | -4.70% | -9.12%  | VNM, GTN, QNS      | KDC                |
| RUBBER       | JPY/kg.  | 227.50   | -0.83%       | 229.40  | 0.92%   | 1.70%  | 0.98%   | SRC, CSM, DRC      | DPR, PHR, HAG, HNG |
| SUGAR        | USD/lb.  |          |              | 20.42   | 2.15%   | 4.18%  | 5.53%   | SBT, LSS, SLS, QNS | VNM, GTN, QNS      |
| COFFEE       | USD/lb.  |          |              | 234.75  | 4.57%   | 13.57% | 14.88%  | CTP, DLG           | VCF, CTP           |
| LME COPPER   | USD/MT   |          |              | 9406.50 | -1.62%  | -1.33% | -7.74%  | CAV, SAM, TGP, VTH | MSN, ACM, BGM      |
| STEEL BAR    | CNY/MT   | 4,218.00 | 1.13%        | 4171.00 | -0.52%  | -3.01% | -22.76% | HSG, HPG, NKG      | PC1, CTD, HBC      |
| LME ALUMINUM | USD/MT   |          |              | 2616.50 | 1.63%   | 1.49%  | -17.40% |                    | CAV, SAM, TGP, VTH |
| DCE Iron Ore | CNY/MT   | 531.00   | -1.48%       | 539.00  | -0.92%  | -4.41% | -24.84% | HSG, HPG           | HSG, HPG           |
| ICE Coal     | USD/MT   |          |              | 147.00  | 0.51%   | 2.01%  | -30.92% | HLC, NBC, TNT, THT | HT1, BCC, PPC, POW |

Ghi chú: USd = US Cent

- Giá dầu giảm vào ngày thứ Tư (17/11), sau khi Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) và Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) cảnh báo về tình trạng dư cung sắp xảy ra và khi số ca nhiễm Covid-19 ở châu Âu làm tăng nguy cơ suy giảm nhu cầu phục hồi.



Nguồn: Bloomberg, BSC

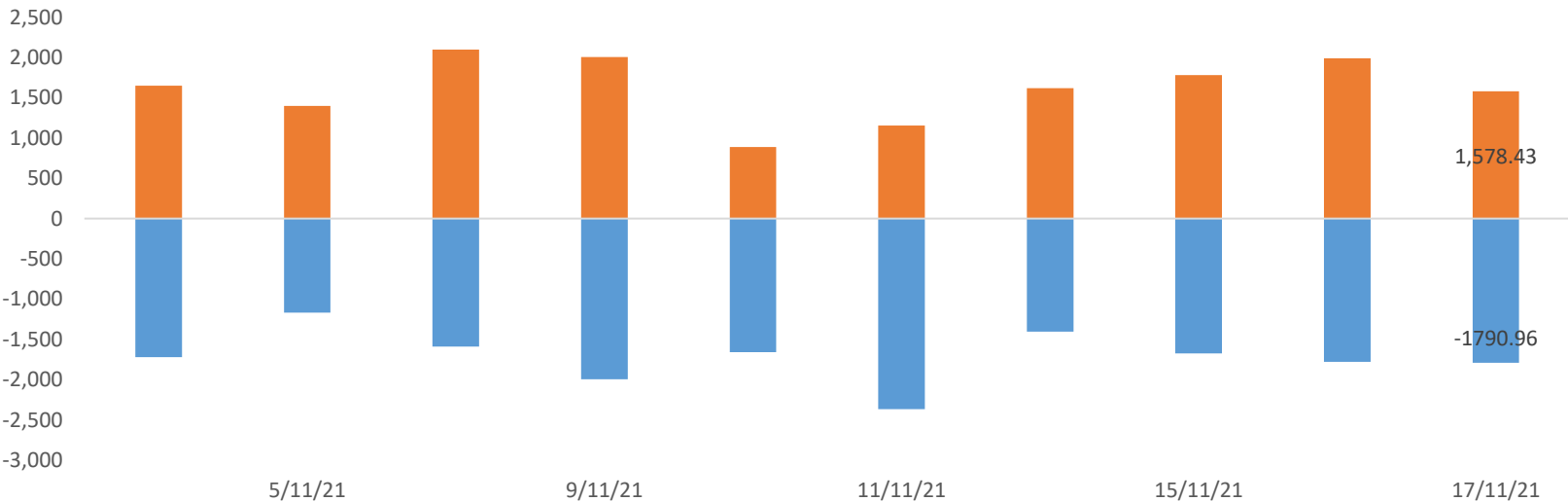


Nguồn: Bloomberg, BSC

# ETF Diamond có phiên tăng quy mô mạnh thứ 2

| ETF        | AUM<br>(tr. USD) | NAV/CP<br>(USD) | ± Chứng chỉ<br>quỹ | %     | Dòng vốn ròng (triệu USD) |      |      |       | Nhận định                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------|------------------|-----------------|--------------------|-------|---------------------------|------|------|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                  |                 |                    |       | 1D                        | 1W   | 1M   | 3M    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| VNM        | 586.0            | 20.8            | -                  | 0.2%  |                           | 0.0  | 0.0  | -2.0  | 1.0 Các ETF FTSE giảm quy mô. ETF Diamond có phiên tăng điểm mạnh thứ 2 liên tiếp. ETFs khác có trạng thái cân bằng và giữ nguyên quy mô.<br>31.9 Khối ngoại mua bán trái chiều tại nhiều nước trong khu. Họ mua ròng tại thị trường Indian, Malaysia, Philippines, Korea, Taiwan và bán tại các thị trường còn lại. |
| FTSE       | 398.0            | 46.4            | (0.0)              | -1.1% |                           | -1.2 | -2.4 | -5.7  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| iShare     | 525.8            | 0.0             | -                  | 0.0%  |                           | 0.0  | 3.6  | 3.6   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| E1VFN30    | 489.0            | 1.1             | 0.2                | 0.0%  |                           | 0.2  | -1.3 | 26.5  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| FUEVFN30   | 605.6            | 1.2             | 9.8                | 0.5%  |                           | 12.1 | 19.8 | 25.5  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| FUBON FTSE | 485.4            | 0.6             | -                  | -0.7% |                           | 0.0  | -1.3 | -17.0 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| FUESSVFL   | 136.2            | 0.9             | 0.0                | 0.8%  |                           | 0.0  | 0.0  | 14.8  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| FUESSVN30  | 4.6              | 0.8             | (0.0)              | 0.5%  |                           | 0.0  | -0.5 | -0.2  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| FUEMAVN30  | 30.5             | 0.8             | 0.0                | 0.1%  |                           | 0.0  | -3.5 | -2.6  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| VN100      | 6.0              | 0.9             | 0.0                | 0.0%  |                           | 0.0  | 0.0  | 0.0   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| KIM        | 193.0            | 19.7            | -                  | -1.0% |                           | 0.0  | 0.0  | 0.0   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| PREMIA     | 33.2             | 13.5            | -                  | 0.9%  |                           | 0.0  | 2.4  | 2.4   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |

| Khối ngoại<br>(tr. USD)                               | Ngày    | Lũy kế từ<br>đầu tuần | Lũy kế từ<br>đầu tháng |
|-------------------------------------------------------|---------|-----------------------|------------------------|
| Việt Nam                                              | -15.48  | -17.79                | -158.89                |
| ASEAN4*                                               | -11.71  | 166.97                | -57.71                 |
| Ấn Độ                                                 | 1912.60 | 2036.63               | 2468.39                |
| Đài Loan                                              | 77.60   | 587.00                | 2353.66                |
| • Giá dầu                                             | 36.53   | 1087.23               | 1840.09                |
| Nhật Bản                                              |         | 1,447.89              | 2744.10                |
| Trung Quốc                                            |         |                       | 10945.83               |
| Ghi chú: * Thailand, Phillipines, Malaysia, Indonesia |         |                       |                        |
| Credit Default Swap                                   |         | MoM %                 |                        |
| Việt Nam                                              |         | -2.58                 |                        |
| Thái Lan                                              |         | -10.31                |                        |
| Singapore                                             |         | -2.58                 |                        |
| Phillippines                                          |         | 11.82                 |                        |
| Malaysia                                              |         | 3.13                  |                        |



Nguồn: Fiinpro, BSC

# Tích lũy trong vùng 1460-1480 điểm

| Tin vĩ mô                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |           |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <ul style="list-style-type: none"><li>• Chính phủ sẽ nghiên cứu, báo cáo cấp có thẩm quyền về việc lập Quỹ phòng chống Covid-19, trên cơ sở Quỹ vaccine. Quỹ vaccine Covid-19 được Chính phủ thành lập từ tháng 5/2021, do Bộ Tài chính quản lý. Đến ngày 16/11, Quỹ vaccine Covid-19 huy động được 8.795 tỷ đồng; đã chi 7.597 tỷ; còn dư 1.198 tỷ.</li><li>• Chủ tịch Quốc hội Vương Đình Huệ cho biết giải pháp tổng thể về tài chính và tiền tệ để hỗ trợ phục hồi kinh tế xã hội, bảo đảm an sinh, sẽ được các đại biểu xem xét vào cuối năm nay. Quốc hội đã yêu cầu Chính phủ hoàn thiện, ban hành và triển khai hiệu quả chiến lược tổng thể về phòng, chống dịch Covid-19.</li><li>• Chính phủ đề xuất đầu tư các đoạn cao tốc Hà Tĩnh - Quảng Trị, Quảng Ngãi - Nha Trang và Cần Thơ - Cà Mau từ năm 2021, cơ bản hoàn thành vào năm 2025. Để bảo đảm sớm hoàn thành dự án, Chính phủ kiến nghị triển khai đầu tư công toàn bộ 12 dự án thành phần với tổng mức đầu dặt khoảng 146,990 tỷ đồng.</li></ul> |           |
| Thông số kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |           |
| Xu hướng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Hồi phục  |
| Chỉ báo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Trung lập |
| Kháng cự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1450      |
| Hỗ trợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1420      |



Nguồn: Trading view, BSC

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                          |              |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                          |              |      |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|------|
| <div>AGR</div> <div>24.1</div> <div>CTCP Chứng khoán Agriseco</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <div>Xu hướng hiện tại</div> <div>Tăng giá</div> <div>Bsc Khuyến nghị kỹ thuật</div> <div>Khả quan</div> | Kháng cự     | 27    | <div>CTD</div> <div>75.7</div> <div>CTCP Xây dựng Coteccons</div>                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <div>Xu hướng hiện tại</div> <div>Tăng giá</div> <div>Bsc Khuyến nghị kỹ thuật</div> <div>Khả quan</div> | Kháng cự     | 82.1 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                          | Hỗ trợ       | 22.55 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                          | Hỗ trợ       | 72.7 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                          | MACD         | ↑     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                          | MACD         | ↑    |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                          | RSI          | ↑     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                          | RSI          | ↑    |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                          | Moving Avg   | ↑     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                          | Moving Avg   | ↑    |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                          | Giá mục tiêu | 28.4  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                          | Giá mục tiêu | 85   |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                          | Upside       | 18%   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                                                          | Upside       | 13%  |
| <b>Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng</b><br>Doanh thu 12 tháng gần nhất là 281.18 tỷ đồng , tăng trưởng 34.12 %.Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 120.83 tỷ đồng , tăng trưởng 91.93 %.                                                                                                                                                                           |                                                                                                          |              |       | <b>Phân tích chỉ tiêu tăng trưởng</b><br>Doanh thu 12 tháng gần nhất là 13611.73 tỷ đồng , tăng trưởng -40.91 %.Lợi nhuận sau thuế 12 tháng gần nhất là 394.5 tỷ đồng , tăng trưởng -38.89 %.Tăng trưởng doanh thu 3 năm đạt 6.31 %.Tăng trưởng lợi nhuận 3 năm đạt -15.11 %.                                                                                     |                                                                                                          |              |      |
| <b>Phân tích chỉ tiêu lợi nhuận</b><br>Chỉ tiêu ROA(lợi nhuận trên tổng tài sản) hiện tại là 5.63 % ROA trung bình 3 năm của công ty là -5.73 % .Chỉ tiêu ROE(lợi nhuận trên vốn chủ) hiện tại là 6.05 %. ROE trung bình 3 năm của công ty là -5.76 % .Chỉ tiêu biên lợi nhuận gộp hiện tại là 99.77 %. Biên lợi nhuận gộp trung bình 3 năm của công ty là -6.61 % . |                                                                                                          |              |       | <b>Phân tích chỉ tiêu lợi nhuận</b><br>Chỉ tiêu ROA(lợi nhuận trên tổng tài sản) hiện tại là 2.82 % ROA trung bình 3 năm của công ty là 7.93 % .Chỉ tiêu ROE(lợi nhuận trên vốn chủ) hiện tại là 4.65 %. ROE trung bình 3 năm của công ty là 16.66 % .Chỉ tiêu biên lợi nhuận gộp hiện tại là 5.82 %. Biên lợi nhuận gộp trung bình 3 năm của công ty là 6.16 % . |                                                                                                          |              |      |

Nguồn: FireAnt, BSC i-Broker

- GEX: Công ty dự kiến chốt quyền phát hành thêm cổ phiếu để trả cổ tức tỷ lệ 100:9, tương ứng cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận thêm 9 cổ phiếu mới. Ngày đăng ký cuối cùng để nhận cổ tức là 30/11/2021.
- TNG: Doanh thu tháng 10 của TNG đạt 462 tỷ đồng, tăng 100 tỷ đồng tương ứng tăng 27,6% so với cùng kỳ. Sau khi trừ chi phí, TNG lãi sau thuế 24,2 tỷ đồng, tăng 39% so với cùng kỳ năm 2020. Luỹ kế 10 tháng năm 2021, doanh thu của TNG đạt 4.542 tỷ đồng, tăng 16,7% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế của TNG đạt 193 tỷ đồng, tăng 32% so với cùng kỳ.
- PRE: Đã hoàn thành xin ý kiến cổ đông bằng văn bản và đã được thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 1.044 tỷ đồng bằng hình thức chào bán đấu giá cổ phiếu ra công chúng, theo đó PVI Holdings dự kiến vẫn nắm giữ tỷ lệ chi phối 51% vốn điều lệ sau khi tăng vốn.
- PLP: Đã thông qua phương án chào bán 10 triệu cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. Giá chào bán 10.000 đồng/cp, nguồn tiền huy động để nâng cao năng lực tài chính, bổ sung vốn lưu động. Thời gian thực hiện trong năm 2021-2022. Đồng thời, doanh nghiệp tiếp tục triển khai phát hành 20 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương án đã được thông qua tại kỳ họp. ĐHĐCĐ thường niên 2020 thông qua. Tỷ lệ thực hiện 2:1. Giá 10.000 đồng/cp. Số tiền huy động được để tăng sở hữu Hoàng Gia Pha Lê, Khoáng sản Minh Cầm, Thương mại và Du lịch Tân Việt An.
- DXG: Đã thông qua việc góp vốn 500 tỷ đồng thành lập công ty con là Công ty TNHH MTV Đất Xanh Tech.
- GAB: Đã thông qua việc triển khai phát hành hơn 1,1 triệu cổ phiếu trả cổ tức theo tỷ lệ 100:8 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 8 cổ phiếu mới).
- DRH: Sẽ chào bán cho cổ đông hiện hữu 60,3 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 1:1 giá 12.000 đồng/cp; phát hành ESOP 3 triệu đơn vị, giá 10.000 đồng/cp. Thời điểm thực hiện phát hành trong năm 2021 hoặc thời gian khác do HĐQT quyết định.
- TCT: Ngày 24/11 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 25/11. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 10/12/2021.
- VKC: Ông Võ Thiên Chương, Tổng giám đốc chỉ mua được 0,13 triệu trong tổng số 1 triệu cổ phiếu VKC đăng ký mua trong hai phiên ngày 08 và 09/11. Sau giao dịch, ông Chương đã nắm giữ 1,13 triệu cổ phiếu VKC, tỷ lệ 5,86%.
- SJD: Pyn Elite Fund (Non-Ucits), cổ đông lớn đã bán ra hơn 255.000 cổ phiếu SJD trong ngày 09/11. Sau giao dịch, cổ đông trên đã giảm sở hữu tại SJD xuống còn hơn 3,99 triệu cổ phiếu, tỷ lệ 5,79%.

*\*Nếu cần tư vấn thêm, vui lòng liên hệ môi giới cá nhân hoặc đại diện Trung tâm tư vấn khách hàng cá nhân i-center: [i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)*



Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

## BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

## BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

• Giá dầu giảm mạnh do dự trữ dầu thô tại Mỹ

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

## Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

[hn.ptnc@bsc.com.vn](mailto:hn.ptnc@bsc.com.vn)

(+84) 39352722 - Ext 108

## Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

[hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn](mailto:hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn)

(+84)2439264659

## Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

[i-center@bsc.com.vn](mailto:i-center@bsc.com.vn)

(+84)2437173639

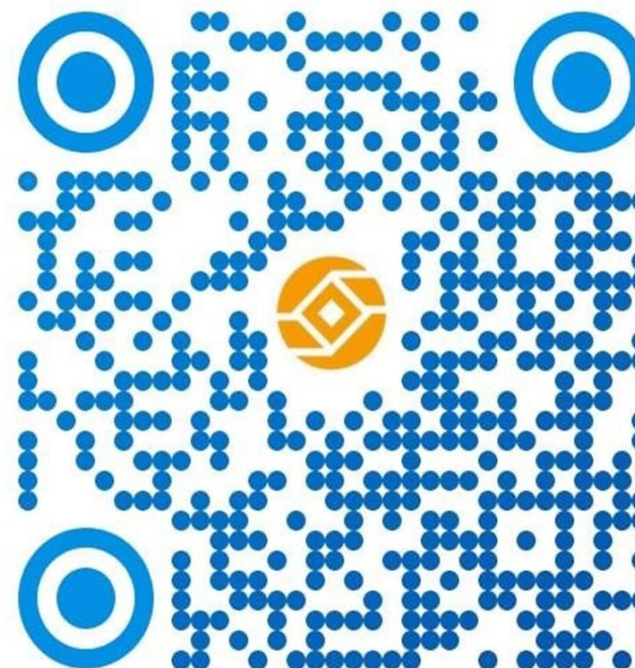




### DANH MỤC BÁO CÁO BSC

(Quý khách vui lòng quét mã QR để đọc thêm)

• Giá dầu



### CỘNG ĐỒNG NHÀ ĐẦU TƯ BSC

(Quý khách vui lòng quét mã QR bằng app zalo để tham gia)